



luàn dòng

乱动

verb phrase · move around randomly

Example Sentences

pāi zhào shí qǐng bù yào luàn dòng

拍照时请不要乱动。

Please don't move around when taking photos.

hái zǐ zuò zài yǐ zi shàng zǒng ài luàn dòng

孩子坐在椅子上总爱乱动。

The child always likes to fidget while sitting on the chair.

Trace each character, then write the word on your own.

乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱	乱
动	动	动	动	动	动	动	动	动	动